

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 12 - 2020.
Về việc tranh chấp: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Hồng Hà;
2. Bà Phan Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 31/12/2020, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 304/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị T – sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên – *Có mặt.*

- Bị đơn: Anh Đ – sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên – *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên vào năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp tính. Trước đây, chị T có làm đơn xin ly hôn, anh Đ hứa sửa chữa khuyết điểm để vợ chồng chung sống nuôi con nên chị T rút đơn. Nhưng sau khi rút đơn, hai bên vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Nay, nhận thấy tình cảm đã hết, thật sự không thể nào chung sống hạnh phúc với anh Đ nên chị T yêu cầu được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Có 01 con tên là H – sinh ngày 11/9/2015. Chị T xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

**** Bị đơn anh Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T vào ngày 04/9/2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy: Chị T khai vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không ai còn quan tâm đến ai. Ban nhân dân thôn V, xã H xác nhận chị T, anh Đ chung sống có mâu thuẫn là sự thật.

Mặt khác, anh Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có ý kiến gì phản bác lại yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T, anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Xét thấy con chung là H – sinh ngày 11/9/2015, còn nhỏ, hiện đang sống cùng chị T. Do đó, để cháu H phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần giao cháu H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T làm nghề nông, có sức khỏe, có thu nhập, đủ khả năng nuôi con và chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 26, 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Chị T được ly hôn anh Đ.
2. Con chung: Giao con chung tên H – sinh ngày 11/9/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị T phải chịu: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm

ứng án phí số 0002139 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
 - VKSND, T.H.A DS huyện Tây Hòa;
 - Những người tham gia tố tụng;
 - UBND xã H, huyện T
- (Chứng nhận kết hôn số 102
ngày 04 tháng 9 năm 2008);*
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Huệ